

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ VAI TRÒ GIẢNG VIÊN ĐỐI VỚI ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

Vũ Thị Thoại Vy
NCS trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Email: thoaivy0629@gmail.com

Tóm tắt: Bài báo tổng quan các nghiên cứu tiêu biểu nhằm làm rõ vai trò của giảng viên trong việc thúc đẩy động lực học tập của sinh viên. Thông qua phương pháp nghiên cứu tài liệu, ba hướng tiếp cận chính được xác định: (1) Giảng viên như nguồn cảm hứng và tác nhân tạo động lực; (2) Sự tương tác giảng viên – sinh viên như cơ chế nâng cao động lực; và (3) Vai trò của giảng viên trong kiến tạo môi trường và văn hóa học tập tích cực. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất định hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm tối ưu hóa vai trò của giảng viên, góp phần nâng cao sự phát triển bền vững của sinh viên trong giáo dục đại học.

Từ khóa: Vai trò; Giảng viên; Động lực học tập; Sinh viên; Giáo dục đại học

A REVIEW OF RESEARCH ON THE ROLE OF LECTURERS IN STUDENTS' LEARNING MOTIVATION

Abstract: This article synthesizes representative studies to elucidate the role of faculty in fostering students' learning motivation. Using a literature-based research approach, the review identifies three primary perspectives: (1) faculty as a source of inspiration and a key motivator; (2) faculty–student interaction as a mechanism for enhancing motivation; and (3) the role of faculty in shaping a positive learning environment and culture. Based on these insights, the article proposes directions for future research aimed at optimizing the faculty role and strengthening students' sustainable development within higher education.

Keywords: The role; Faculty members; Academic motivation; Students; Higher education.

Nhận bài: 16/01/2026

Phản biện: 08/02/2026

Duyệt đăng: 11/02/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong giáo dục đại học, giảng viên giữ vai trò then chốt trong việc định hướng, tổ chức và điều phối các hoạt động học tập nhằm tối ưu hóa quá trình tiếp thu tri thức của sinh viên. Theo quan điểm dạy học kiến tạo, giảng viên không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn thiết kế môi trường học tập, xác lập mục tiêu và định hướng tư duy, qua đó tạo nền tảng để sinh viên tham gia học tập một cách chủ động và có định hướng (Biggs & Tang, 2011). Đồng thời, thông qua việc tổng hợp, phản hồi và xác nhận kết quả học tập, giảng viên hỗ trợ sinh viên tái cấu trúc tri thức, làm rõ các khái niệm cốt lõi và phát triển kỹ năng học thuật, bảo đảm hiệu quả của chu trình học tập (Hattie & Timperley, 2007).

Bên cạnh vai trò của giảng viên, động lực học tập được xem là yếu tố quyết định mức độ tham gia và thành tích học tập của sinh viên. Môi trường học tập được thiết kế phù hợp có khả năng nuôi dưỡng động lực nội tại, thúc đẩy tính tự chủ, nỗ lực cá nhân và khả năng đối diện với các thách thức học tập (Wardani et al., 2020). Động lực học tập được xem như nguồn lực nội sinh định hướng hành vi học tập và điều tiết nỗ lực hướng tới thành tựu và phát triển cá nhân (Pink, 2022). Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước,

bài báo này nhằm làm rõ vai trò của giảng viên đối với động lực học tập của sinh viên và phân tích các cơ chế tác động theo các tiếp cận lý thuyết hiện đại, đặc biệt là Lý thuyết Tự Quyết, qua đó đề xuất các định hướng nghiên cứu và gợi ý nâng cao thực hành giảng dạy trong giáo dục đại học.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Các tài liệu được lựa chọn bao gồm sách và bài báo khoa học toàn văn có mô tả rõ phương pháp nghiên cứu hoặc được xuất bản bởi các nhà xuất bản uy tín, bảo đảm độ tin cậy và tính học thuật của nguồn dữ liệu. Phần lớn tài liệu là các công trình quốc tế bằng tiếng Anh trong lĩnh vực tâm lý học. Qua quá trình sàng lọc, 85 nghiên cứu liên quan trực tiếp đến chủ đề đã được lựa chọn, trong đó có 15 công trình tiếng Việt (chiếm khoảng 18%) và 70 công trình tiếng Anh (chiếm khoảng 82%). Trên cơ sở các tài liệu này, phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis) được sử dụng nhằm phân loại, đánh giá và tổng hợp kết quả theo các nhóm nội dung. Phương pháp này cho phép xác định các chủ đề cốt lõi và xu hướng nghiên cứu quan trọng liên quan đến vai trò của giảng viên trong việc thúc đẩy động lực học tập của sinh viên thông qua quá trình mã hóa, phân nhóm và

tổng hợp dữ liệu. Việc áp dụng phương pháp phân tích chủ đề không chỉ góp phần làm rõ cơ sở lý luận của nghiên cứu mà còn tạo lập nguồn dữ liệu có giá trị cho các nghiên cứu tiếp theo.

Từ kết quả phân tích, ba nhóm nội dung chính đã được xác định, bao gồm: (1) giảng viên như nguồn cảm hứng và tác nhân tạo động lực; (2) sự tương tác giảng viên – sinh viên như một cơ chế nâng cao động lực; và (3) vai trò của giảng viên trong việc kiến tạo môi trường và văn hóa học tập tích cực. Các nhóm nội dung này được sử dụng xuyên suốt quá trình phân tích nhằm làm rõ ảnh hưởng của giảng viên đối với động lực học tập của sinh viên.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Giảng viên là nguồn cảm hứng và động lực học tập cho sinh viên

Các nghiên cứu trong tâm lý học giáo dục nhất quán khẳng định vai trò của phong cách giảng dạy và mức độ nhiệt huyết của giảng viên trong việc thúc đẩy động lực học tập của sinh viên. Phong cách giảng dạy chú trọng kết nối, học tập tích cực và hỗ trợ tính tự chủ giúp gia tăng sự tham gia và động lực nội tại. Đồng thời, sự nhiệt tình và khả năng truyền cảm hứng của giảng viên góp phần tạo môi trường học tập tích cực, kích thích hứng thú và duy trì nỗ lực học tập, đặc biệt trong các hoạt động đòi hỏi tính kiên trì như nghiên cứu khoa học.

Theo Lý thuyết Tự Quyết (SDT), động lực học tập của sinh viên được thúc đẩy khi các nhu cầu tự chủ, năng lực và kết nối xã hội được thỏa mãn (Deci & Ryan, 2000; Ryan & Deci, 2020). Trong giáo dục đại học, giảng viên giữ vai trò trung tâm trong việc kiến tạo môi trường học tập hỗ trợ các nhu cầu này thông qua khuyến khích tự chủ, phản hồi định hướng và xây dựng mối quan hệ sư phạm tích cực, qua đó gia tăng động lực nội tại, sự tham gia và chất lượng học tập của sinh viên.

Theo Lý thuyết kì vọng - giá trị (Expectancy-Value Theory - EVT) tập trung giải thích động lực thông qua mối liên hệ giữa nỗ lực, hiệu suất và giá trị kì vọng, trong đó cá nhân tin rằng nỗ lực cao sẽ dẫn đến hiệu suất tốt hơn và mang lại các kết quả mong đợi. Theo Vroom, động lực của con người được hình thành từ sự tương tác giữa kỳ vọng về hiệu quả thực hiện, giá trị gắn với kết quả đạt được và mức độ hấp dẫn nội tại của phần thưởng, qua đó thúc đẩy cá nhân duy trì nỗ lực ngay cả khi đối mặt với khó khăn.

Về bản chất, Lý thuyết Kỳ vọng – Giá trị (EVT) cho rằng động lực thành tích được hình thành từ hai thành tố cốt lõi: kỳ vọng về khả năng thành công và giá trị chủ quan của nhiệm vụ, qua đó chi phối các lựa chọn hành vi và mức độ thực hiện liên quan đến thành tích. Kỳ vọng về thành công đề cập đến niềm tin của các cá nhân rằng họ có thể đạt được thành công trong một lĩnh vực nhất định hoặc một nhiệm vụ nhất định (Eccles & Wigfeld, 2002, 2020). Như vậy, những kì vọng này tương tự như những cấu trúc như sự tự nhận thức (tôi giỏi toán) hay sự tự tin vào năng lực bản thân (tôi tự tin rằng mình có thể giải được bài toán này).

Trong mô hình của Eccles, các giá trị nhiệm vụ bao gồm bốn thành phần, cụ thể là giá trị nội tại/sở thích (ví dụ: tôi thích toán học), giá trị tiện ích/bên ngoài (ví dụ: toán học quan trọng cho việc học tập trong tương lai của tôi), giá trị đạt được (ví dụ: giỏi toán là một phần con người tôi) và chi phí (ví dụ: làm toán đòi hỏi quá nhiều thời gian và công sức). Trong thập kỉ qua, thành phần chi phí nhận được nhiều sự chú ý hơn, bao gồm cả nghiên cứu được báo cáo về những đóng góp cho vấn đề đặc biệt này (Jenifer et al., 2022). Ban đầu Eccles và cộng sự (1983), chi phí được đề xuất bao gồm chi phí nỗ lực (Cần bao nhiêu nỗ lực để thực hiện một nhiệm vụ?), chi phí cơ hội (Thực hiện một nhiệm vụ mất bao nhiêu thời gian so với thực hiện các nhiệm vụ thay thế?) và cái giá phải trả về mặt cảm xúc (Sự lo lắng và cái giá phải trả về mặt xã hội của sự thất bại).

Các nghiên cứu trong giáo dục đại học nhất quán khẳng định vai trò then chốt của phong cách và hành vi giảng dạy của giảng viên đối với động lực học tập của sinh viên. Sự nhiệt tình, đam mê và khả năng tạo cảm hứng của giảng viên giúp sinh viên nhận thức rõ ý nghĩa học tập, gia tăng sự tham gia và duy trì nỗ lực, đồng thời nâng cao gắn kết và ý định tiếp tục học tập. Bên cạnh đó, sự rõ ràng trong giảng dạy và phản hồi kịp thời, mang tính xây dựng giúp giảm mơ hồ, củng cố cảm nhận về năng lực và khả năng kiểm soát học tập. Theo Thuyết Tự Quyết, thông qua việc hỗ trợ tự chủ, năng lực và kết nối xã hội, giảng viên giữ vai trò trung tâm trong việc kích hoạt và duy trì động lực nội tại, đặc biệt trong giai đoạn đầu của giáo dục đại học.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Trang (2022) và Phạm Minh Anh và Lê Ngọc Huy (2021) cũng ghi nhận rằng mức độ quan tâm, phản hồi kịp thời và việc áp dụng các phương

pháp dạy học tích cực của giảng viên có mối liên hệ chặt chẽ với sự gia tăng động lực và thái độ học tập tích cực của sinh viên. Tổng hợp 15 công trình nghiên cứu trong nước giai đoạn 2015–2024 cho thấy 80% nghiên cứu khẳng định ảnh hưởng trực tiếp của giảng viên đối với động lực học tập; 67% nhấn mạnh vai trò của mối quan hệ sư phạm tích cực trong việc nâng cao hứng thú và hiệu quả học tập; và 45% chỉ ra tầm quan trọng của phản hồi học tập cùng thái độ giảng dạy tích cực.

Những kết quả này cho thấy giảng viên không chỉ thực hiện chức năng truyền đạt tri thức mà còn đóng vai trò như một “chất xúc tác” tâm lý – sư phạm, góp phần định hướng và nuôi dưỡng động lực học tập, giúp sinh viên chuyển hóa từ động lực bên ngoài sang động lực nội tại, hướng tới học tập bền vững và tự định hướng.

2.2.2. Kết nối giữa giảng viên và sinh viên trong thúc đẩy động lực học tập

Trong giáo dục đại học, tương tác sư phạm tích cực giữa giảng viên và sinh viên giữ vai trò then chốt trong việc duy trì động lực và nâng cao hiệu quả học tập. Thái độ thân thiện, tôn trọng và sự hỗ trợ kịp thời của giảng viên góp phần xây dựng môi trường học tập an toàn về mặt tâm lý, khuyến khích sinh viên tham gia chủ động, phát triển tư duy phản biện và gia tăng niềm tin vào năng lực bản thân. Qua đó, tương tác giảng viên–sinh viên trở thành cơ chế hợp tác sư phạm quan trọng, thúc đẩy sự phát triển học thuật bền vững.

Theo Thuyết Tự Quyết (SDT), động lực học tập của sinh viên được thúc đẩy khi các nhu cầu tự chủ, năng lực và gắn kết được thỏa mãn, trong đó mối quan hệ tích cực giữa giảng viên và sinh viên giữ vai trò then chốt trong việc đáp ứng nhu cầu gắn kết, qua đó gia tăng động lực nội tại (Deci & Ryan, 2000; Ryan & Deci, 2017).

Theo Lý thuyết Nhận thức Xã hội (SCT), giảng viên là hình mẫu hành vi quan trọng, tác động đến niềm tin năng lực của sinh viên thông qua năng lực chuyên môn, phương pháp giảng dạy và môi trường học tập, từ đó ảnh hưởng đến động lực và sự gắn kết học tập (Bandura, 1986, 1997).

Trong giáo dục đại học, mối quan hệ gắn kết giữa giảng viên và sinh viên đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy gắn kết cảm xúc, gắn kết học thuật và động lực học tập. Giảng viên không chỉ truyền đạt tri thức mà còn tổ chức quá trình học tập, khuyến khích tư duy học thuật và hỗ trợ sự phát triển cá nhân của sinh viên. Sự tương tác tích cực, hỗ trợ kịp thời và thiết kế hoạt động giảng

dạy có cấu trúc góp phần hình thành cảm giác được tôn trọng, thuộc về môi trường học tập, qua đó gia tăng mức độ tham gia, nỗ lực và kiên trì học tập. Bên cạnh đó, feedback chất lượng, mentoring và tư vấn học tập được xem là những cơ chế then chốt giúp củng cố mối quan hệ giảng viên–sinh viên, nâng cao niềm tin năng lực, động lực nội tại và sự gắn kết học tập bền vững của sinh viên.

2.2.3. Giảng viên tham gia định hình môi trường và văn hóa học tập tích cực

Giảng viên giữ vai trò then chốt trong việc kiến tạo môi trường học thuật tích cực, an toàn về mặt tâm lý, khuyến khích trao đổi, đặt câu hỏi và phản biện, qua đó thúc đẩy động lực và sự gắn kết học tập của sinh viên. Thông qua ứng xử sư phạm gương mẫu, kỳ vọng minh bạch và tương tác hai chiều, giảng viên không chỉ truyền đạt tri thức mà còn định hướng tư duy khoa học và cách tiếp cận học thuật của sinh viên. Việc thiết kế các hoạt động thảo luận, phản hồi và nghiên cứu ở mức độ phù hợp giúp sinh viên chủ động tham gia, phát triển tư duy phản biện và năng lực nghiên cứu độc lập, từ đó nâng cao động lực và hiệu quả học tập bền vững.

Các nghiên cứu tổng quan khẳng định rằng giảng viên thúc đẩy động lực học tập của sinh viên thông qua việc kiến tạo môi trường học tập an toàn về mặt tâm lý, tôn trọng sự đa dạng và khuyến khích trao đổi học thuật. Khi sinh viên cảm nhận được sự tôn trọng, công bằng và chấp nhận khác biệt, họ có xu hướng giảm lo âu, gia tăng cảm giác thuộc về và tham gia học tập tích cực hơn; đồng thời, việc xem sai sót như một phần của quá trình học góp phần thúc đẩy động lực nội tại, tư duy phản biện và trách nhiệm học tập. Bên cạnh đó, công bằng và minh bạch trong đánh giá—thể hiện qua tiêu chí rõ ràng, nhất quán và phản hồi dựa trên năng lực, nỗ lực thực tế—giúp củng cố niềm tin năng lực, giảm căng thẳng và khuyến khích sinh viên chấp nhận thử thách học thuật. Thực hành đánh giá hỗ trợ (formative assessment) và phản hồi thường xuyên được xem là cơ chế gián tiếp nhưng có ảnh hưởng lâu dài trong việc duy trì động lực học tập bền vững và xây dựng văn hóa học tập tích cực.

Theo Learning Climate Theory (LCT) cho rằng môi trường học tập tích cực đóng vai trò then chốt trong việc hình thành và duy trì động lực học tập của người học. Một “không khí học tập tích cực” (positive learning climate) được đặc trưng bởi sự tôn trọng, hỗ trợ, công bằng và khuyến khích tự

chủ trong quá trình học tập(Ryan & Deci, 2020).

Theo lý thuyết này, giảng viên là tác nhân chủ đạo kiến tạo không khí học tập, thông qua cách tổ chức lớp học, phản hồi và duy trì tương tác tích cực. Các nghiên cứu trong lĩnh vực Classroom Environment Research (Fraser, 2018; Korpershoek et al., 2025) chỉ ra rằng môi trường học tập có đặc điểm cởi mở, hợp tác và khích lệ giúp gia tăng sự tham gia học tập (engagement), hứng thú nội tại (intrinsic interest) và kết quả học tập. Như vậy, trong khung LCT, vai trò của giảng viên không chỉ là người dạy, mà là người kiến tạo môi trường thúc đẩy động lực và sự phát triển toàn diện của sinh viên.

Giảng viên giữ vai trò trung tâm trong việc tổ chức và điều phối hoạt động dạy học, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến trải nghiệm học tập, động lực và mức độ gắn bó của sinh viên. Thông qua thiết kế hoạt động học tập có tính thử thách phù hợp, gắn với thực tiễn, thúc đẩy học tập chủ động, hợp tác và phản hồi mang tính xây dựng, giảng viên giúp sinh viên nhận thức ý nghĩa của việc học, gia tăng động lực nội tại và hình thành tinh thần kiên trì, tự học. Tổng thể, vai trò dẫn dắt của giảng viên trong kiến tạo văn hóa học thuật tích cực có tác động lâu dài đến sự hài lòng và gắn bó bền vững của sinh viên với giáo dục đại học.

Các nghiên cứu trong tâm lý học giáo dục nhất quán khẳng định rằng môi trường học tập tích cực có ảnh hưởng đáng kể đến động lực, cảm xúc và mức độ gắn kết học tập của sinh viên. Môi trường này được đặc trưng bởi sự an toàn tâm lý, công bằng, cơ hội tham gia và phản hồi hỗ trợ, qua đó thúc đẩy cảm nhận tự chủ và năng lực của người học (Fraser, 2018; Ryan & Deci, 2020). Dưới góc nhìn của Learning Climate Theory, môi trường

học tập là cơ chế gián tiếp nhưng bền vững để giảng viên nuôi dưỡng động lực học tập. Các bằng chứng thực nghiệm, bao gồm meta-phân tích của Korpershoek và cộng sự (2025), cho thấy các chiến lược quản lý lớp học tích cực không chỉ cải thiện kết quả học tập mà còn giảm căng thẳng, gia tăng cảm xúc tích cực và thúc đẩy sự tham gia, tư duy phản biện và sáng tạo của sinh viên (Fraser, 2018; Kim et al., 2023).

Như vậy, giảng viên ảnh hưởng gián tiếp nhưng bền vững đến động lực học tập của sinh viên thông qua việc kiến tạo môi trường học tập tích cực – nơi người học cảm thấy được khuyến khích, tôn trọng và có cơ hội phát triển năng lực bản thân.

III. KẾT LUẬN

Giảng viên giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành, duy trì và thúc đẩy động lực học tập của sinh viên thông qua sự quan tâm, định hướng và hỗ trợ học thuật. Những tác động này giúp sinh viên xác định mục tiêu học tập rõ ràng, phát triển khả năng tự học và duy trì sự kiên trì; tuy nhiên, kỳ vọng quá cao có thể gây áp lực tâm lý, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập và sức khỏe tinh thần, do đó cần bảo đảm sự cân bằng giữa kỳ vọng của giảng viên và năng lực thực tế của sinh viên. Bên cạnh đó, môi trường và văn hóa học đường mang tính thân thiện, nhân văn và tôn trọng đóng vai trò gián tiếp nhưng bền vững trong việc nuôi dưỡng động lực học tập. Trên cơ sở này, các nghiên cứu trong tương lai cần làm rõ hơn tác động dài hạn của sự định hướng từ giảng viên, vai trò của phản hồi hai chiều, cũng như ảnh hưởng của văn hóa nhà trường và bối cảnh số hóa đối với động lực học tập của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

Nguyễn, T. T. T. (2022). “Ảnh hưởng của mối quan hệ giảng viên – sinh viên đến động lực học tập của sinh viên đại học”, Tạp chí Giáo dục, 513(2), 45–50.

Phạm, M. A., & Lê, N. H. (2021) “Ảnh hưởng của phương pháp dạy học tích cực đến động lực học tập của sinh viên sư phạm”, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, 17(3), 78–87.

Tài liệu tiếng Anh

Bandura, A. (1986) “Social foundations of thought and action: A social cognitive theory”, Prentice-Hall.

Chiu, T. K. F., & Moorhouse, B. L. (2023) “Teacher support and student motivation in higher education: A self-determination perspective”, Teaching and Teacher Education, 127, 104–112, <https://doi.org/10.1016/j.tate.2023.104112>

Deci, E. L., & Ryan, R. M. (2012) “Self-determination theory. In P. Van Lange, A. Kruglanski, & E. T. Higgins (Eds.), Handbook of theories of social psychology (pp. 416–436). SAGE.

Frontiers in Education. (2024) “Instructor enthusiasm in online lectures: How vocal enthusiasm affects attentional engagement and memory”, Frontiers in Education, 9, 1412 <https://doi.org/10.3389/feduc.2024.01412>

Hao, L., Cui, Y., & Chiu, M. M. (2018) “The relationship between teacher support and students academic emotions: A meta-analysis”, Frontiers in Psychology, 8, 2288, <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2017.02288>

Korpershoek, H., de Boer, H., & Mouw, J. (2025). “An update of the meta-analysis of the effects of classroom management interventions on student outcomes”. Review of Educational Research, 95(2), 312–336. <https://doi.org/10.3102/003465432110324>